

CÔNG TY CỔ PHẦN BMT HOLDING
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BMT HOLDING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BMT HOLDING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BMT HOLDING

2. Mã số doanh nghiệp: 0110614429

3. Ngày thành lập: 25/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 278 Phố Nguyễn Văn Lộc, Tổ dân phố 10, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913927070

Fax:

Email: Bmt.holding.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa, đại lý chứng khoán, bảo hiểm, môi giới tài chính, bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội)	4649
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
9.	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
10.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
11.	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
12.	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
13.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào (không hoạt động tại trụ sở)	0115

14.	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
15.	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
17.	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
18.	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
19.	Trồng cây lấy quả chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0122
20.	Trồng cây điều (không hoạt động tại trụ sở)	0123
21.	Trồng cây hồ tiêu (không hoạt động tại trụ sở)	0124
22.	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
23.	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
24.	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
25.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
26.	Trồng cây lâu năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0129
27.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (không hoạt động tại trụ sở)	0131
28.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0132
29.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
30.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa (không hoạt động tại trụ sở)	0142
31.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không hoạt động tại trụ sở)	0144
32.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
33.	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
34.	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
35.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150

36.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
37.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
38.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
39.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
40.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, triển lãm thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
41.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
43.	Giáo dục nhà trẻ Chi tiết: Nhà trẻ	8511
44.	Giáo dục mẫu giáo Chi tiết: Trường mẫu giáo	8512
45.	Giáo dục tiểu học Chi tiết: Trường tiểu học	8521
46.	Giáo dục trung học cơ sở Chi tiết: Trường trung học cơ sở	8522
47.	Giáo dục trung học phổ thông Chi tiết: Trường trung học phổ thông	8523
48.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Đào tạo trình độ sơ cấp	8531
49.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo trình độ trung cấp	8532
50.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Đào tạo trình độ cao đẳng	8533
51.	Đào tạo đại học Chi tiết: Cơ sở giáo dục đại học	8541
52.	Đào tạo thạc sỹ Chi tiết: Cơ sở đào tạo thạc sỹ	8542
53.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
54.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

55.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh tại nơi làm việc hoặc tại nhà, có thể thông qua thư, tivi, internet, ở các phòng học hoặc qua các phương tiện khác (trừ các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể, dạy tôn giáo)	8559
56.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: Tư vấn giáo dục; Tư vấn du học; Kinh doanh khóa học trực tiếp và online; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	8560
57.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
58.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản (trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	6820
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
60.	Quảng cáo (trừ quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật, thuốc lá, rượu)	7310
61.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về nông học; Tư vấn về công nghệ khác	7490
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) (trừ đầu giá)	4719
66.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
67.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
68.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
69.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
70.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
71.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
72.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

73.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
74.	Sản xuất đường	1072
75.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
76.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
77.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
78.	Sản xuất chè	1076
79.	Sản xuất cà phê	1077
80.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
81.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
82.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
83.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
84.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
85.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
86.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá bán lẻ ngoài cửa hàng)	4799
87.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định trong nội thành	4921
88.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
89.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
90.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi ; Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	4931
91.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định ; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
92.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
93.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
94.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

95.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định	5021
96.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
97.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
99.	Bốc xếp hàng hóa	5224
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không và dịch vụ hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
102.	Chuyển phát	5320
103.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
104.	Cơ sở lưu trú khác	5590
105.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
106.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
107.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
108.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia, quầy bar; Quán cà phê, giải khát; Dịch vụ phục vụ đồ uống khác.	5630
109.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
110.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Tìm kiếm, lựa chọn, lập danh sách, tuyển dụng lao động, giới thiệu và sắp xếp lao động bao gồm cả quản lý, giới thiệu việc làm, những người được giới thiệu không làm trong các công ty môi giới; hoạt động của các hãng tuyển dụng lao động trên mạng (không thành lập trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
111.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung cấp lao động theo yêu cầu của khách hàng trong một thời gian hạn định để bổ sung vào lực lượng lao động của khách hàng, những người được tuyển dụng là lao động của khu vực dịch vụ lao động tạm thời	7820
112.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Dịch vụ việc làm	7830

113.	Đại lý du lịch	7911
114.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
115.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
116.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
117.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THỊ THANH THỦY	Số 9/78 Phố Hoàng Như Tiếp, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	0341790051 23	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		

2	NGÔ BÌNH MINH	Số 9 ngõ 236 Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	001178022007
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000	
3	ĐINH DUY THY	84/47/6 Đường Bùi Quang Là, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	080073000364
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000	
4	LÊ THỊ KIM NHUNG	4 C1 Số 156 Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	038161006476
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ KIM NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038161006476

Ngày cấp: 21/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 4 C1 Số 156 Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 4 C1 Số 156 Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội